

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 12–2022
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Võ Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Bảo C, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trương Chí L, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Bà Ngô Bảo C trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Ngô Bảo C và ông Trương Chí L có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà C yêu cầu ly hôn với ông Chí L.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Trương Nhã K, sinh ngày 17/02/2015 (nữ);

Trương Bảo Kh, sinh ngày 24/9/2018 (nam).

Hiện nay, hai người con đang chung sống với bà C. Khi ly hôn, bà C yêu cầu nuôi hết hai người con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật mỗi tháng 750.000 đồng/tháng/người.

- Về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai đề ngày 12 tháng 12 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Ông Trương Chí L trình bày yêu cầu:*

Ông L và bà C có thời gian tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay, không thể hàn gắn hôn nhân nên ông L đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con: Như bà C trình bày là đúng, các người con đang sống với bà C. Khi ly hôn ông L đồng ý giao hai người con cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông L đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về chia tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Ngô Bảo C và ông Trương Chí L đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Ngô Bảo C yêu cầu ly hôn với ông Trương Chí L, yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng cho con ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa bà C và ông L là tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Ngô Bảo C và ông Trương Chí L có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì bận công việc, đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Ông L và bà C có thời gian tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, giấy

chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2013 ngày 20/12/2013. Vì vậy, quan hệ của bà Ngô Bảo C và ông Trương Chí L được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đỉnh điểm là vào năm 2022, vợ chồng không có tiếng nói chung và ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu ly hôn với ông L, ông L đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Bảo C và ông Trương Chí L.

- Về nuôi con: Có hai người con chung

Trương Nhã K, sinh ngày 17/02/2015 (nữ);

Trương Bảo Kh, sinh ngày 24/9/2018 (nam).

Hiện nay, hai người con đang chung sống với bà C. Khi ly hôn, bà C và ông L thống nhất giao hết hai người con cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhã K và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà C yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/tháng/người, ông L đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được ghi nhận. Do các đương sự không đưa ra được phương thức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử buộc ông L cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, cấp vào ngày đầu tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực đến khi các người con tròn 18 tuổi theo quy định của các điều 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bà Ngô Bảo C có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Trương Chí L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông L còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thi hành án.

- Về chia tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Các bên đương sự chịu 50%, bà C và ông L mỗi người chịu 150.000 đồng, ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà C được xem xét tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Bảo C với ông Trương Chí L.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Trương Nhã K, sinh ngày 17/02/2015 (nữ);

Trương Bảo Kh, sinh ngày 24/9/2018 (nam).

Hiện nay, hai người con đang chung sống với bà C. Khi ly hôn, giao hết hai người con cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Chí L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/tháng/người. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực đến khi các người con tròn 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, cấp vào ngày đầu tháng.

- Về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Các bên đương sự chịu 50%, bà Ngô Bảo C và ông Trương Chí L mỗi người chịu 150.000 đồng.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Chí L phải chịu 300.000 đồng.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, bà Ngô bảo C đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền 0015856 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, sau khi đối trừ bà C được nhận lại 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền